TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-PT
Ngày 23 - 01 - 2025
V/v Tranh chấp ly hôn
và chia tài sản khi ky hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Trần Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 27/2024/TLPT-HNGĐ ngày 12/11/2024 về việc "Tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 126/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Hữu Đ, sinh năm 1979, (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Hoàng B, sinh năm 1959; địa chỉ: đường H Ông, Khóm F, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau, (theo văn bản uỷ quyền được công chứng ngày 14/11/2023).

2. Bị đơn: Chị Cao Cẩm L, sinh năm 1983, (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Mỹ H, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp C, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

4. Người kháng cáo và kháng nghị:

Nguyên đơn anh Phạm Hữu Đ, sinh năm 1989 và Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng anh Phạm Hữu Đ và chị Cao Cẩm L thống nhất xác định xác định: Anh, chị xây dựng hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, không tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục tập quán, nhưng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41/2023 ngày 24/5/2023. Tuy nhiên, trong thời gian ngắn chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hoà giải hàn gắn đoàn tụ được, nên anh Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Nay anh Đ và chị L thống nhất xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn.

Về con chung, anh chị thống nhất xác định: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung anh chị xác định: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về tài sản riêng: Theo anh Đ xác định, trước khi anh đăng ký kết hôn với chị L, anh có tài sản riêng là 01 xe ôtô mang biển kiểm soát 93A-356.23 do anh đứng tên đăng ký xe. Anh về chung sống như vợ chồng với chị L từ năm 2022, đến tháng 01/2023 anh cùng với chị L đến cửa hàng cầm đồ số 69 của ông Dương Quốc D, thuộc ấp C, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau cầm chiếc xe nói trên với số tiền 200.000.000đ, quá trình giao dịch anh Đ và ông D trực tiếp thực hiện, khi nhận tiền chị L là người trực tiếp nhận. Mục đích anh cầm xe là để có tiền làm vốn chuẩn bị làm ăn, tuy nhiên khoảng 20 ngày sau khi anh Đ đề nghị nhận lại tiền thì chị L không giao với lý do đã chi sài không còn. Do cần tiền nên anh Đ và chị L cùng đến gặp ông D để yêu cầu lấy thêm số tiền là 200.000.000đ, anh Đ là người viết biên nhận còn chị L là người nhận tiền, số tiền trên anh Đ tiếp tục gửi chị L giữ dùm. Đến ngày 24/5/2023 anh và chị L đi đăng ký kết hôn, sau khi đăng ký kết hôn, do cần tiền nên anh bán chiếc xe cho người tên Bùi Hữu M với giá 930.000.000 đồng, tuy nhiên do trước đây khi anh Đ sử dụng xe có bị phạt số tiền 10.000.000đ nên trừ lại, số tiền còn lại 920.000.000đ. Anh M trả tiền bằng hình thức chuyển khoản 02 lần, lần đầu chuyển vào lúc 22h20 ngày 30/5/2023 với số tiền 499.999.999đ (do chuyển khoản 500.000.000 đồng không được nên chuyển số tiền 499.999.999 đồng) và lần thứ hai chuyển liền sau đó với số tiền 400.000.000đ, số tiền còn lại 20.000.000đ anh M chuyển cho chị L, nhưng chuyển vào thời gian nào anh Đ không biết. Số tiền bán xe anh trả cho ông D tiệm cầm đồ số tiền 400.000.000 đồng, còn lại 500.000.000 đồng chị L quản lý.

Nay anh Đ yêu cầu chị L trả lại số tiền bán xe 900.000.000đ, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền cho anh Đ thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị L trả số tiền 700.000.000đ, lý do thay đổi một phần yêu cầu là trong thời gian chung sống anh Đ có sử dụng nguồn tiền cầm xe và bán xe vào các khoản như: chi phí khám bệnh (mắt), chi phí nhờ người giải quyết vụ tranh chấp đất đai ở Bình Phước, chi phí đầu tư thu mua tôm, số tiền cụ thể anh Đ không nhớ, chỉ ước tính khoảng 200.000.000đ, nên anh đồng ý trừ vào tiền bán xe.

Theo chị L xác định, trong trước khi kết hôn anh Đ cầm xe 200.000.000 đồng, anh Đ giao số tiền cho chị trực tiếp quản lý và sử dụng vào việc đóng học phí cho con gái chị, sinh hoạt trong gia đình, đưa cho anh Đ đi khám và điều trị bệnh (bệnh mắt) nhiều lần tại Thành phố Hồ Chí Minh, chi phí cho các chuyến đi về Bình Phước để lo giấy tờ đất đai cho anh Đ. Trước khi về sống chung với anh

Đ, chị có nợ bà N số tiền 80.000.000đ, trong thời gian chung sống anh Đ vay thêm số tiền 40.000.000đ để chi tiêu trong gia đình. Do khó khăn, không có tiền trả nợ nên anh Đ đề nghị đến cửa hàng cầm đồ của ông D lấy thêm tiền cầm xe 200.000.000đ, số tiền này chị trực tiếp quản lý và sử dụng trả nợ cho bà N với số tiền 120.000.000đ, số tiền còn lại phục vụ vào sinh hoạt trong gia đình và tái khám bệnh cho anh Đ hết, do cuộc sống không có tiền chi tiêu, nên đến tháng 5/2023 lúc này chị và anh Đ đã kết hôn nên vợ chồng thống nhất bán chiếc xe của anh Đ cho anh Bùi Hữu M, tên thường gọi bên ngoài là B với giá 930.000.000 đồng, tuy nhiên do xe có bị phạt nguội nên trừ lại 10.000.000đ để nộp phạt, nên tiền bán xe là 920.000.000 đồng, anh M trả tiền bằng hình thức chuyển khoản 02 lần, lần đầu chuyển vào lúc 22h20 ngày 30/5/2023 với số tiền 499.999.999đ và lần thứ hai chuyển liền sau đó với số tiền 400.000.000đ, số tiền còn lại 20.000.000đ sau đó anh M chuyển khoản trả đủ, toàn bộ số tiền chị là người trực tiếp nhận, sau khi nhận tiền vợ chồng trả tiền cầm xe 400.000.000đ và tiền lãi 20.000.000 đồng, số còn lại sử dụng vào việc chi phí mua quà và tiền mặt cho anh Đ và ông C đi lo thủ tục giấy tờ nhà đất của anh Đ trên Bình Phước nhiều lần, mua trang thiết bị thu mua tôm, thuê mặt bằng, thuê xe vận chuyển và vốn thu mua, quá trình thu mua tôm khoảng hơn 10 ngày điều thua lỗ nhiều, cùng thời điểm này gia đình anh Đ gặp sự cố nên ngưng không kinh doanh nữa, số tiền còn lại vợ chồng thống nhất cho vay để lấy lãi chi phí sinh hoạt trong gia đình. Cụ thể cho bà Trần Mỹ H vay 50.000.000đ, Trần Hiền N1 200.000.000đ, anh T 10.000.000đ, Mỹ Diện 10.000.000đ, số tiền này chị là người trực tiếp cho vay nhưng anh Đ có biết, quá trình giao dịch các người vay tiền đã trả cho chị và chị sử dụng vào nhu cầu trong gia đình hiện không còn, hiện tại còn chị M1 H nợ 33.000.000đ, chị Hiền N1 nợ 200.000.000đ. Tổng số tiền 233.000.000đ, chị không yêu cầu chia số tiền này. Nay chị đồng ý giao trả lại cho anh Đại số tiền 300.000.000 đồng, không đồng ý giao trả số tiền 900.000.000đ theo yêu cầu của anh Đ, do trước khi anh Đ về sống với chị cũng biết cuộc sống của chị khó khăn và anh Đ cũng tự nguyện đồng ý lo cho mẹ con chị, số tiền cầm xe và bán xe cùng lo cho gia đình, đây là tài sản chung của vợ chồng, tuy nhiên hiện nay chị tự nguyện giao lại cho anh Đại số tiền 300.000.000đ, đối với những người nợ chị tự thu hồi, trường hợp không hồi được chị khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về nợ chung: Quá trình chung sống anh Đ và chị L không có, nên không đặt ra xem xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Mỹ H trình bày: Trước đây bà có vay của bà Cao Cẩm L số tiền 50.000.000đ, với hình thức trả góp hàng ngày, tuy nhiên quá trình giao dịch do công việc không thuận lợi nên bà trả chưa hết số tiền vay cho bà L, hiện tại bà còn nợ bà L số tiền là 33.000.000đ.

Từ những nội dung trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 126/2024/HNGĐ-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Hữu Đ với chị Cao Cẩm L.

- Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Buộc chị Cao Cẩm L có trách nhiệm giao trả cho anh Phạm Hữu Đại S tiền 233.000.000 đồng (Hai trăm, ba mươi ba triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07/10/2024 anh Phạm Hữu Đ kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng, buộc chị Cao Cẩm L giao trả cho anh số tiền 700.000.000 đồng. Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của anh Đ không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào mới, vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Ngày 09/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu kháng nghị Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm số 126/2024/HNGĐ-ST ngày 24/9/2024 theo hướng, không chấp nhận số tiền 80.000.000 đồng chị L nợ bà N là nợ chung, nên buộc chị Cao Cẩm L có trách nhiệm giao trả cho anh Phạm Hữu Đại S tiền 313.000.000 đồng. Tại phiên toà phúc thẩm, Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định kháng nghị số 05/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 09/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, không chấp nhận kháng cáo của anh Đ, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 126/2024/HNGĐ-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hình thức, nội dung đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo, kháng nghị được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên toà phúc thẩm anh Đ vắng mặt nhưng có người đại diện theo uỷ quyền, chị L là bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Phạm Hữu Đ và chị Cao Cẩm L có đăng ký kết hôn theo đúng quy định, nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết anh Đ, chị L thống nhất thuận tình ly hôn, sau khi xét xử anh Đ, chị L không có kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị về quan hệ hôn nhân, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét kháng cáo của anh Đ yêu cầu chị L giao trả lại cho anh số tiền 700.000.000 đồng là tài sản riêng của anh.

[3.1] Trong quá trình tố tụng, anh Đ và chị L thống nhất xác định, chiếc xe ôtô mang biển kiểm soát 93A-356.23 do anh Đ đứng tên đăng ký xe là tài sản của anh Đ có trước khi anh Đ về chung sống với chị L, nên chiếc xe là tài sản riêng của anh Đ. Tuy nhiên, anh Đ và chị L xác định trước khi đăng ký kết hôn, anh Đ cầm cố chiếc xe là tài sản riêng của anh cho ông D nhận số tiền 400.000.000 đồng để chi xài trong thời gian anh và chị L sống chung với nhau, anh chị dùng số tiền này để chi phí sinh hoạt chung và đầu tư thuê nhà, mua thiết bị để làm cơ sở thu mua tôm và trả khoản nợ chị L 80.000.000 đồng và anh Đ nợ 40.000.000 đồng của bà N.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, theo sự thừa nhận của các bên đương sự có căn cứ xác định chiếc xe ôtô mang biển kiểm soát 93A-356.23 là tài sản riêng của anh Đ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, ngày 30/5/2023 anh Đại đồng Ý bán chiếc xe là tài sản riêng của anh được tổng số tiền 930.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản Ngân hàng của chị L cho chị L quản lý và thống nhất trả nợ cầm xe cho ông D 420.000.000 đồng, số tiền còn lại 500.000.000 đồng anh Đ cũng giao cho chị L tiếp tục quản lý, nên có căn cứ xác định số tiền bán xe anh Đại đồng Ý chuyển thành tài sản chung vợ chồng. Trong thời gian chung sống, chị L dùng số tiền còn lại cho một số người vay để lấy lãi và số tiền còn lại chi tiêu trong gia đình, nhưng anh Đ cũng không có ý kiến, qua lời khai của những người chị L cho vay xác định hiện nay những người vay còn nợ chị L số tiền 233.000.000 đồng, nên có căn cứ xác định số tiền 233.000.000 đồng người khác nợ lại là tài sản chung vợ chồng, số tiền này lẽ ra phải chia khi ly hôn, nhưng chị L tự nguyện giao trả lại cho anh Đ, nên cấp sơ thẩm buộc chị L giao trả lại cho anh Đ là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ xác định khi bán xe số tiền 930.000.000 đồng, trả nợ cầm xe 400.000.000 đồng đã sử dụng trước đó và anh Đ không đưa ra được chứng cứ chứng chứng minh hiện nay chị L còn giữ số tiền bán xe 700.000.000 đồng và chị L sử dụng số tiền bán xe còn lại để chi phí cho nhu cầu cá nhân của chị L, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh Đ là có căn cứ, cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Đ, cần giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình số 126/2024/HNGĐ-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên toà phúc thẩm Kiểm sát viên rút toàn bộ Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, nên căn cứ các Điều

289, 312 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, không chấp nhận kháng cáo của anh Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Các phần quyết định khác của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 126/2024/HNGĐ-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Phạm Hữu Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, khoản 1 Điều 308 và Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Hữu Đ, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 126/2024/HNGĐ-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 273, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 33, 43, 51, 53, 55 và Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Hữu Đ, sinh năm 1979 và chị Cao Cẩm L, sinh năm 1983

2. Về con chung, nợ chung: Anh Phạm Hữu Đ và chị Cao Cẩm L xác định không có, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung:

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Cao Cẩm L, buộc chị Cao Cẩm L có trách nhiệm trả cho anh Phạm Hữu Đại S tiền 233.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi ba triệu đồng).

- Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí chia tài sản và án phí dân sự phúc thẩm.

4.1. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Buộc anh Phạm Hữu Đ phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng), anh Phạm Hữu Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0008217 ngày 14/11/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, hoàn trả lại cho anh Phạm Hữu Đại S tiền 225.000 đồng (Hai trăm, hai mươi lăm nghìn đồng).

- Buộc chị Cao Cẩm L phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng), tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

4.2. Án phí chia tài sản có giá ngạch:

Buộc anh Phạm Hữu Đ phải nộp 11.650.000 đồng (Mười một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng), anh Phạm Hữu Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 19.499.990 đồng (Mười chín triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi đồng), theo biên lai thu số 0008218 ngày 14/11/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, hoàn trả lại cho anh Phạm Hữu Đại S tiền 7.849.990 đồng (Bảy triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi đồng).

5. Án phí phúc thẩm dân sự: Buộc anh Phạm Hữu Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh Phạm Hữu Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0009239 ngày 09/10/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã Giá Rai;
- CCTHADS thị xã Giá Rai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn